

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 6 -2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Văn Ninh;

Bà Lương Thị Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phù Trung Tướng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 02/2023/QĐ-TA ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chu Thị Hồng A, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Trường Mầm non T, thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn N, Khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nông Thu H; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong hồ sơ vụ án chị Chu

Thị Hồng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D chung sống như vợ chồng từ ngày 31/5/2010, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; đến ngày 07/6/2011 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D đến xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn làm ăn và chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Tuấn D có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, sa vào tệ nạn cá độ bóng đá, nợ nần, bán đồ đạc trong gia đình. Từ đó, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xảy ra cãi cọ, xô xát. Quá trình chung sống, anh Nguyễn Tuấn D có những lời nói xúc phạm, chửi bới, đánh đập và đe dọa chị Chu Thị Hồng A và con gái khiến tâm lý chị Chu Thị Hồng A luôn căng thẳng, sợ hãi. Đến tháng 7 năm 2020, chị Chu Thị Hồng A bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng chị ly thân. Trong thời gian ly thân, có thời gian anh Nguyễn Tuấn D bắt cháu Nguyễn Phương N về ở cùng, không cho cháu đi học, làm cho tâm lý cháu sợ hãi, hoang mang, ảnh hưởng tới việc học tập. Tháng 02 năm 2021, chị Chu Thị Hồng A về ở cùng với anh Nguyễn Tuấn D để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù đã được gia đình hai bên nội, ngoại can thiệp nhưng tình cảm vợ chồng không tiến triển tốt đẹp hơn, vẫn thường xuyên cãi vã nên đến tháng 03 năm 2021 anh chị lại ly thân cho đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Chu Thị Hồng A yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

Về con chung: Chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D có một con chung là cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/4/2011, đang học tại trường Trung học cơ sở xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn, chị Chu Thị Hồng A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương N đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị Chu Thị Hồng A và con gái là cháu Nguyễn Phương N đang ở tại nhà tập thể của Trường Mầm non xã T nơi chị Chu Thị Hồng A đang làm giáo viên. Thu nhập trung bình của chị Chu Thị Hồng A khoảng 9.400.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Nguyễn Tuấn D không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành thu thập ý kiến của cháu Nguyễn Phương N. Cháu Nguyễn Phương N trình bày nguyện vọng được ở với chị Chu Thị Hồng A trong trường hợp bỏ mẹ ly hôn.

Người làm chứng bà Nông Thu H, là mẹ đẻ của chị Chu Thị Hồng A trình bày: Chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D kết hôn từ năm 2010. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Tuấn D không có việc làm, ham mê cờ bạc. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có đánh nhau, cãi nhau. Chị Chu Thị

Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D đã ly thân từ khoảng năm 2019. Khi ly thân, chị Chu Thị Hồng A đến sống ở nhà bà trong khoảng 04 - 05 tháng, sau đó chuyển vào ở trong trường Mầm non T cho đến nay. Quá trình chị Chu Thị Hồng A ở nhà bà Nông Thu H, anh Nguyễn Tuấn D có lần đến chửi bới, đe dọa chị Chu Thị Hồng A và gia đình bà, có lần đến quấy rối vào ban đêm. Từ khi ly thân cho đến nay thỉnh thoảng chị Chu Thị Hồng A đưa con về thăm bố, giữa hai vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D không thể hàn gắn được nữa, quan hệ hôn nhân kéo dài gây ảnh hưởng không tốt đến mẹ con chị Chu Thị Hồng A và gia đình bà nên việc chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D ly hôn bà Nông Thu H cũng nhất trí.

Theo tài liệu do Tòa án thu thập, Ủy ban nhân dân xã T và Công an xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác nhận chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D trong thời gian sống chung có cãi vã, mâu thuẫn. Khoảng cuối năm 2021, Công an xã T có được cử lực lượng xuống nhắc nhở anh Nguyễn Tuấn D và chị Chu Thị Hồng A do có xảy ra to tiếng, cãi vã tại trường Mầm non xã T. Hiện anh Nguyễn Tuấn D chưa có việc làm cụ thể, mức thu nhập chưa thể xác định.

Do anh Nguyễn Tuấn D không đến Tòa án để tham gia tố tụng, chị Chu Thị Hồng A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Hồng A được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D. Giao con chung là cháu Nguyễn Phương N cho chị Chu Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tuấn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị Chu Thị Hồng A đã nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Chu Thị Hồng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn và con chung với bị đơn anh Nguyễn Tuấn D; cư trú tại khu 1, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D có đăng ký kết hôn. Do đó xác định

quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa mở lần thứ hai, bị đơn anh Nguyễn Tuấn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/6/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D là hợp pháp.

[4] Trong thời kỳ hôn nhân, chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát, đã được họ hàng hai bên và chính quyền địa phương can thiệp. Vợ chồng đã có thời gian ly thân từ tháng 7 năm 2020. Đến tháng 02 năm 2021, chị Chu Thị Hồng A đã có ý thức hàn gắn hôn nhân, kết nối lại tình cảm vợ chồng, về sống chung với anh Nguyễn Tuấn D. Tuy nhiên đến tháng 03 năm 2021 anh chị lại ly thân cho đến nay, giữa hai người không còn sự chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, giữa chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng của vợ chồng chị Chu Thị Hồng A và anh Nguyễn Tuấn D đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Chu Thị Hồng A yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Hiện nay, chị Chu Thị Hồng A đang là giáo viên của Trường Mầm non xã T, thu nhập ổn định khoảng 9.400.000 đồng/tháng; anh Nguyễn Tuấn D không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định. Cháu Nguyễn Phương N đang học tại trường Trung học cơ sở xã T và ở cùng chị Chu Thị Hồng A tại tập thể của Trường Mầm non xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đó đánh giá chị Chu Thị Hồng A có đầy đủ các điều kiện để đảm bảo việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương N; điều này cũng phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Nguyễn Phương N và cũng bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chu Thị Hồng A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Phương N đến khi đủ 18 tuổi. Do chị Chu Thị Hồng A không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn D phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Tuấn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Chu Thị Hồng A là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị Hồng A.

1. Về quan hệ hôn nhân

Xử cho chị Chu Thị Hồng A ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2011, quyền số 01/2010 ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung

Giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 13/4/2011 cho chị Chu Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tuấn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Tuấn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí

Chị Chu Thị Hồng A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Chu Thị Hồng A đã nộp đủ án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001939 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Chị Chu Thị Hồng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Văn Ninh

Lương Thị Phụng

Nguyễn Thị Hằng

